

Số: /GPMT-UBND

Lý Nhân, ngày 05 tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường Hà Nam;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 02/CV-CT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH dệt may Chung Tiến về việc giải trình, bổ sung các nội dung theo ý kiến các thành viên Tổ kiểm tra của UBND huyện Lý Nhân về việc cấp giấy phép môi trường cơ sở “Nhà máy dệt may Chung Tiến” tại cụm công nghiệp Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 322/TTr-TN&MT ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt, cấp giấy phép môi trường cơ sở “Nhà máy dệt may Chung Tiến” của Công ty TNHH dệt may Chung Tiến; Địa điểm thực hiện: Cụm công nghiệp Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH dệt may Chung Tiến, địa chỉ tại cụm công nghiệp Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy dệt may Chung Tiến” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy dệt may Chung Tiến.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700249183 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp; đăng ký lần đầu

ngày 11/06/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/10/2021.

1.4. Mã số thuế: 0700249183.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vải sợi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

Công suất hoạt động của cơ sở hiện tại tối đa 850.000 m vải/năm với các loại như vải phin, vải chéo 3/1, vải 6230, vải 3302, vải chéo 2/2, vải chéo 2/1, vải bạt.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đảm bảo theo quy định trước khi xả thải ra môi trường, nếu xả thải trực tiếp ra môi trường chưa qua xử lý gây ô nhiễm môi trường thì sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Xả khí thải không gây ô nhiễm ra môi trường đồng thời tuân thủ sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường và trả phí bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này, nếu vi phạm sẽ xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật về môi trường.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Phải thực hiện ký hợp đồng và chi trả phí cho đơn vị có chức năng để xử lý chất thải nguy hại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Phải thực hiện ký hợp đồng trả phí để thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt; từ khâu thu gom, bốc xúc và vận chuyển xử lý theo quy định tại đối tượng (2,3,4). Quản lý, xử lý nguồn phát thải sau cấp phép theo đúng quy định và các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này và thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường khác phải trả phí theo quy định.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty TNHH Dệt may Chung Tiến được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dệt may Chung Tiến có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, nếu vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi giấy phép đã cấp.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép môi trường là 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (để b/cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như Điều 4 (để t/hiện);
- Văn phòng HĐND-UBND huyện (để đăng web);
- UBND xã Hòa Hậu;
- Công ty TNHH Dệt may Chung Tiên (để t/hiện);
- Lưu: VT, TN&MT, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Nhung

Phụ lục 1:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải sau xử lý của nhà máy được thoát vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Hòa Hậu, sau đó vào kênh tiêu thoát nước của khu vực, trước khi vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Châu Giang đoạn qua xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Nguồn kinh phí để xử lý nước thải: Công ty TNHH dệt may Chung Tiến có trách nhiệm xử lý nước thải đảm bảo theo quy định trước khi xả thải ra môi trường (đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột A, k=1), có trách nhiệm nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ WC nhà văn phòng.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu bếp, nhà ăn.
- + Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa máng hồ.
- + Nguồn số 04: Nước thải xả đáy lò hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Hòa Hậu, sau đó vào kênh tiêu thoát nước của khu vực (toàn bộ thoát theo hệ thống cống thu gom đặt ngầm, sau đó dẫn theo 2 kênh lớn chính là kênh tiêu CG18, CG20 với chiều dài 2 kênh khoảng 3.200 m; Tọa độ điểm thoát nước thải vào hệ thống thoát nước chung: Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°, X= 2265235, Y= 619827) và nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Châu Giang đoạn qua xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải:

+ Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý trước khi vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp.

+ Vị trí xả nước thải: Cống thoát nước chung trên đường nội bộ cụm công nghiệp của cụm công nghiệp Hòa Hậu, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

+ Tọa độ: Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3° với tọa độ: X= 2265235, Y= 619827.

(Công ty TNHH Dệt may Chung Tiến chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với nội dung thông tin về vị trí tọa độ và các nội dung khác cung cấp trong hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, k=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

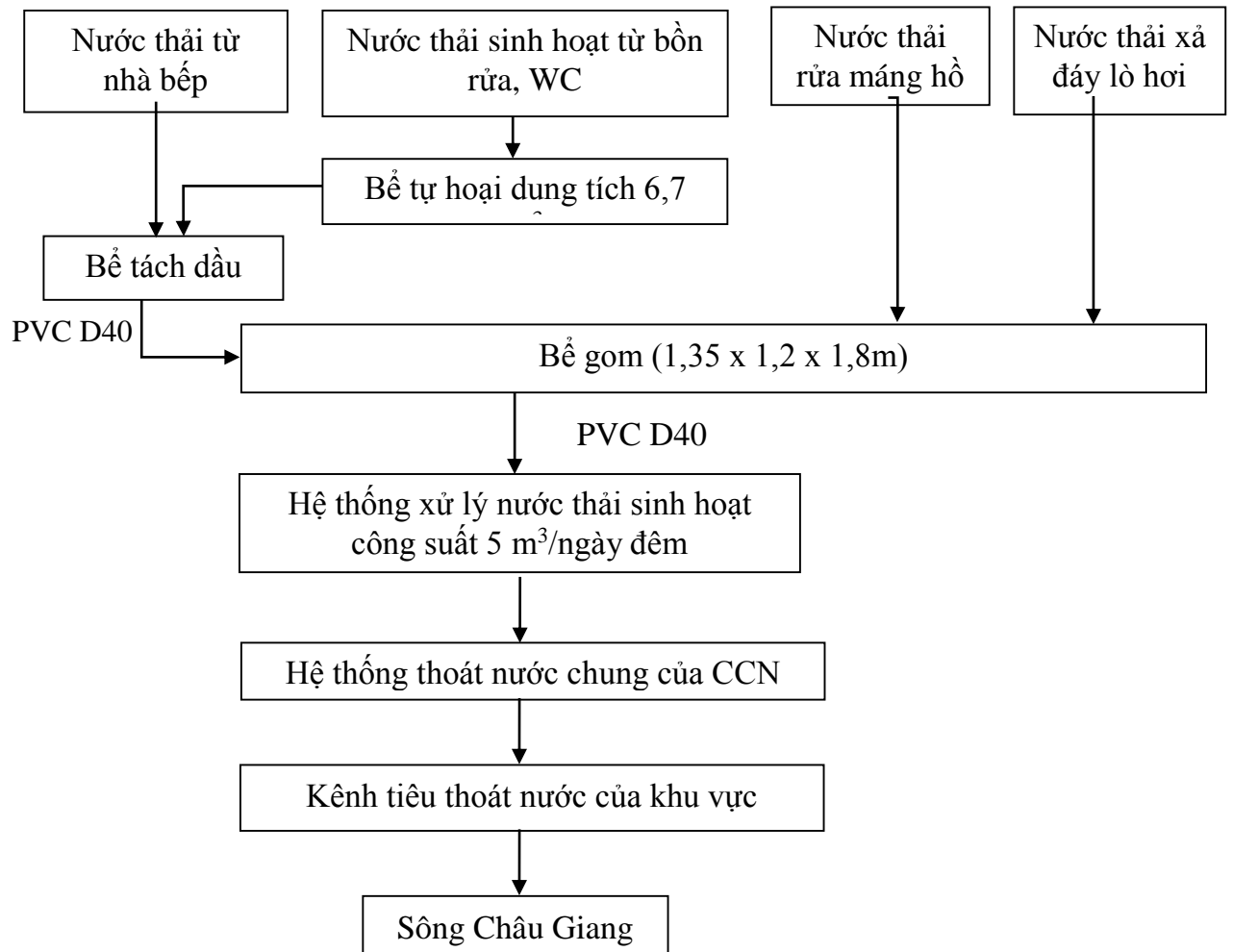
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải phát sinh tại nhà máy gồm nước thải sinh hoạt từ nhà bếp và nước

thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nước thải rửa máng hồ và nước thải xả cặn lò hơi. Mạng lưới thu gom nước thải được thể hiện qua sơ đồ hình dưới đây.



- Nước thải nhà bếp được thu gom vào theo đường ống D40 vào ngăn 1 bể tách dầu → Bể gom nước thải dầu vào kích thước 1,35 x 1,2 x 1,8m → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m³/ngày đêm → Công → Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Hòa Hậu.

- Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa, WC được thu gom vào các ống đứng, ống nhánh → Bể tự hoại dung tích 6,7 m³ → ngăn 2 bể tách dầu (ngăn thu nước) → Bể gom nước thải dầu vào kích thước 1,35 x 1,2 x 1,8m → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m³/ngày đêm → Công → Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Hòa Hậu.

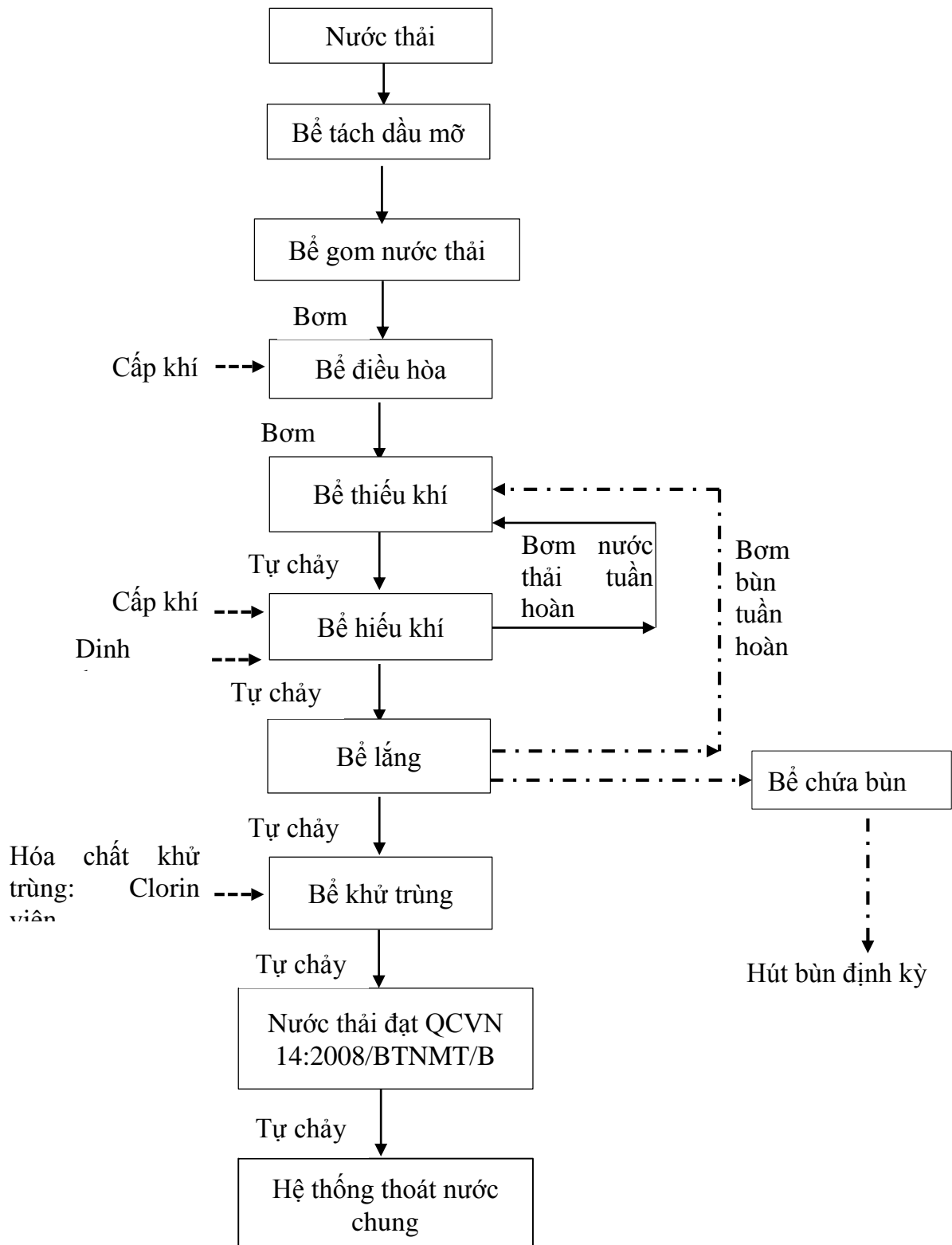
- Nước thải rửa máng hồ, nước xả đáy lò hơi: không phát sinh thường xuyên, nước thải này được thu gom và dẫn bể gom nước thải dầu vào kích thước 1,5x1,5x2 m → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m³/ngày đêm → Công → Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Hòa Hậu.

Nước thải đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột A sau đó ra hệ thống thoát nước chung của Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Hòa Hậu tại 1 điểm xả.

Vị trí: Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°; X= 2265235, Y= 619827.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải 5m³/ngày đêm:



Nước thải phát sinh tại nhà máy được xử lý qua hệ thống các bể xử lý gồm:

+ Bể tự hoại dung tích 6,7 m³.

+ Hệ thống công trình xử lý nước thải công suất 5 m³/ngày đêm: Bể tách dầu mỡ → Bể gom nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng.

+ Công trình thu gom bùn: Bể chứa bùn

- Công suất thiết kế: 5m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này):

STT	Loại hóa chất	Định mức	Công dụng
1	Clorin khô dạng viên	1 viên 200g/5 ngày	Hóa chất khử trùng
2	Đường	10 kg/ thùng 300 lít/ 3 ngày	Hóa chất nuôi cấy vi sinh

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống, thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, kịp thời báo cáo và sửa chữa những thiết bị hư hỏng, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

- Khi có sự cố xảy ra, cán bộ vận hành trạm có trách nhiệm ngừng hoạt động các hệ thống và báo cáo với bộ phận quản lý để khắc phục sự cố, liên hệ đơn vị kỹ thuật có chuyên môn để tiến hành tìm ra nguyên nhân và khắc phục kịp thời (nếu cần) và lập báo cáo ghi chép về sự cố.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; Lập sổ nhật ký vận hành.

2.3. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Nghiêm cấm các hành vi xả các loại chất thải, nước thải vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Hòa Hậu.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải lò hơi sau xử lý xả ra môi trường qua ống khói. Ống khói khí thải lò hơi (Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°) X= 2265269; Y= 619737.

(Công ty TNHH Dệt may Chung Tiến chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với nội dung thông tin về vị trí tọa độ và các nội dung khác cung cấp trong hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả cưỡng bức.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19: 2009/BTNMT/ cột B; Cmax (Kp=1, Kv=1))	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Nhiệt độ	°C	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
5	CO	mg/Nm ³	1000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

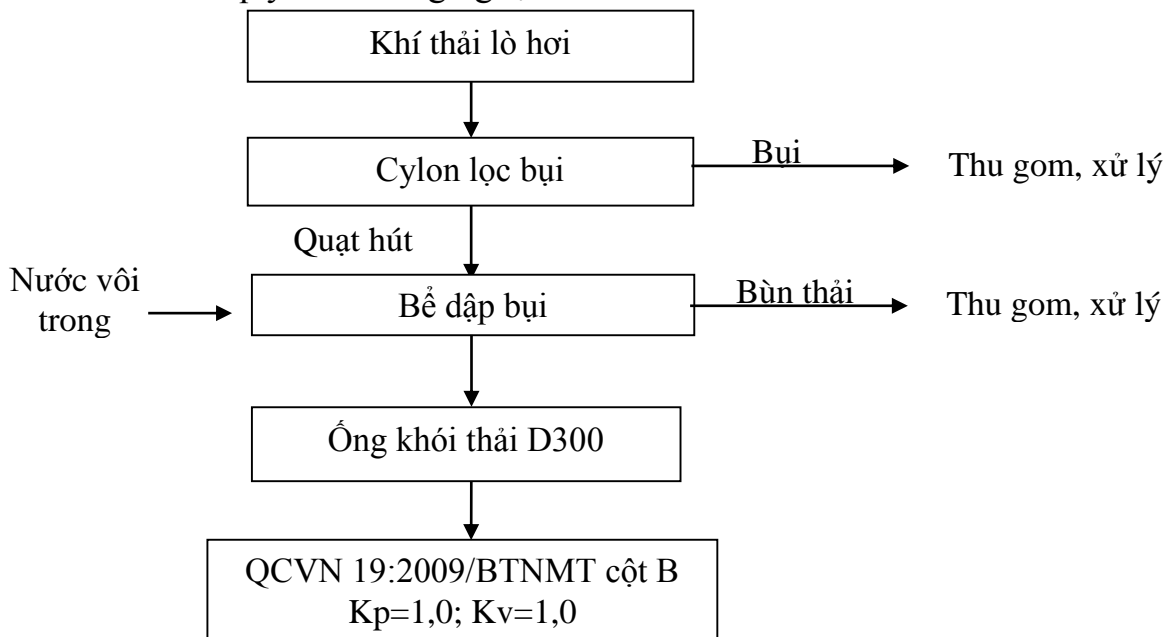
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ lò đốt được xử lý nhờ cyclon lọc bụi và tháp xử lý khí. Toàn bộ lượng bụi và khí thải nhờ quạt hút lưu lượng 9.000 m³/h được dẫn sang Cyclon khô để tách bụi theo nguyên lý trọng lực. Dòng khí và bụi chuyển động xoáy theo đường xoắn ốc đi xuống phía dưới, các hạt bụi chịu tác dụng của lực ly tâm văng ra xa trục và va vào thành cyclon, rơi xuống đáy cyclon. Bụi từ cyclon được thu gom, xử lý, dòng khí quay quanh tâm cyclone và dẫn sang bể dập bụi. Tại đây, khí được sục vào bể để loại bỏ lượng bụi còn sót lại trong bể. Khí sạch sau xử lý theo đường ống khói thoát ra ngoài tại 1 điểm xả. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1,0; Kv=1,0 được thải ra môi trường qua ống khói cao khoảng 15m, đường kính D300. Bụi từ cyclon được thu gom định kỳ. Bùn thải từ bể dập bụi là dạng bùn mịn. Chất thải này được chủ cơ sở thuê đơn vị thu gom, định kỳ đến vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 2,5 tấn hơi/giờ, nguyên vật liệu là vôi với lượng tiêu thụ khoảng 20.000 kg/tháng; (tương đương 96,2 kg/h) hoặc than (khoảng 50 kg/h) (áp dụng đối với tháng 26 ngày làm việc; 8h/ngày làm việc). Lưu lượng khí thải tối đa 9.000 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng: Trong phạm vi báo cáo xin cấp giấy phép môi trường, Chủ đầu tư đề xuất dự kiến thay đổi nhiên liệu sử dụng, xin phép chuyển đổi từ than đá sang vôi vụn. Toàn bộ lượng nhiệt và hơi dùng để phục vụ công đoạn hồ sợi của nhà máy. Tro, bụi chờ nguội, được thu gom vào các bao bì tải chứa, định kỳ thu gom, chuyển giao cho đơn vị xử lý. Khí thải sẽ được xử lý nhờ hệ thống xử lý khí lắp đặt tại nhà máy.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Đối với hệ thống xử lý khí thải

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý khí thải, thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, kịp thời sửa chữa những thiết bị hư hỏng.

- Tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ

- Khi có sự cố xảy ra, cán bộ vận hành có trách nhiệm ngừng hoạt động hệ thống và báo cáo với bộ phận quản lý để khắc phục sự cố, liên hệ đơn vị kỹ thuật có chuyên môn để tiến hành tìm ra nguyên nhân và khắc phục kịp thời và lập báo cáo ghi chép về sự cố.

* Ứng phó sự cố vận hành lò hơi: Trước khi đốt lò cần phải kiểm tra tình trạng các bộ phận sau:

- Các loại van, bơm, bình cấp nước bề chứa nước, hệ thống đường ống đã lắp ráp hoàn chỉnh và đúng yêu cầu kỹ thuật chưa. Các van phải đảm bảo kín và đóng mở dễ dàng.

- Xem xét toàn bộ nồi hơi phân chịu áp lực xem có tình trạng hư hỏng không.

- Xem xét nguồn nước cấp cho nồi hơi đã đảm bảo đủ dự trữ chưa.

- Xem xét nhiên liệu đốt lò có đủ dự trữ không

* Hướng dẫn xử lý khi xảy ra sự cố lò hơi: Khi xảy ra sự cố lò hơi, phải thực hiện theo trình tự sau:

- Chấm dứt cung cấp nhiên liệu và không khí, lá chắn khói đóng gần hoàn toàn.

- Nhanh chóng cào củi đang chạy ra khỏi buồng đốt.

- Sau khi đã chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại.

- Đóng van cấp hơi và cho thoát hơi ra ngoài bằng cách kênh van an toàn lên.

- Cấp đầy nước vào lò (nếu là sự cố cạn nước thì nghiêm cấm việc cấp nước vào lò).

- Để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành lò tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

2.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

2.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn phát sinh số 01: Từ các máy dệt tại khu vực xưởng dệt.

+ Nguồn phát sinh số 02: Từ khu vực hồ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn phát sinh số 01: Từ các máy dệt tại khu vực xưởng dệt, hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°; X = 2265229, Y= 619790.

+ Nguồn phát sinh số 02: Từ khu vực hồ, hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°; X = 2265264, Y= 619756.

(Công ty TNHH Dệt may Chung Tiến chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với nội dung thông tin về vị trí tọa độ và các nội dung khác cung cấp trong hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.
- Các xe chuyên dụng vào nhà máy được sắp xếp vị trí đỗ; được nhân viên hướng dẫn ra vào một cách hợp lý, trong thời gian bốc dỡ không nổ máy để hạn chế tiếng ồn đối với môi trường xung quanh.
- Trang bị các dụng cụ bảo hộ an toàn cho công nhân như nút bịt tai, khẩu trang để đảm bảo hạn chế ảnh hưởng đến người lao động trong quá trình làm việc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại cơ sở. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm
2024 của UBND huyện)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Theo thống kê thực tế của Chủ cơ sở thì lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế tại cơ sở được thống kê trong bảng như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	39
2	Giẻ lau nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01	20
3	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	16
4	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	10
5	Hộp mực thải	Rắn	08 02 04	2
6	Kim loại dính dầu thải	Rắn	11 04 01	15
	Tổng cộng			102

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất như sợi biên phế, bông vụn, lõi giấy ... Khối lượng phát sinh trung bình tại bảng dưới đây:

STT	Tên chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Sợi biên phế, bông vụn	7.800 kg/năm
2	Lõi giấy quả sợi	4.200 kg/năm
3	Túi nilong bọc sợi	720 kg/năm
4	Bao bì đóng sợi	8.400 Cái/năm
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	219 kg/năm
6	Tro (lò hơi), Bụi từ Cyclon	6.240 kg/năm
7	Bùn ướt từ bể đập bụi	40 kg/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy như rau, thức ăn thừa, lá cây. Ngoài ra có một phần nhỏ chất thải là giấy phế liệu thải từ khu vực văn phòng; ước tính khoảng 1.450,8 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh

hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, tập kết về khu lưu giữ chất thải tạm thời theo quy định. Số lượng thùng chứa chất thải nguy hại: Bố trí khoảng 04 thùng chứa, các thùng chứa được dán nhãn phân loại bên ngoài, quản lý theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 3,15m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kích thước dài x rộng x cao = 2,1 x 1,5 x 2,35 (m), kho bao quanh bằng tôn, có mái che kín tránh mưa nắng, bên ngoài dán biển cảnh báo chất thải nguy hại đúng quy cách, có thiết bị phòng cháy chữa cháy tại cửa kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải là thức ăn thừa, rau, phát sinh được chủ cơ sở chứa trong 1 thùng chứa dung tích 120L, có nắp đậy tại khu vực bếp.

+ Chất thải rắn là giấy thải từ khu vực văn phòng, chất thải khác như lá cây rụng, giấy ăn... Chất thải là giấy thải được thu gom và lưu trữ tại khu vực văn phòng. Bố trí 1 thùng chứa rác dung tích 120 lít tại khu vực cửa văn phòng, gần bãi đỗ xe.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Đối với chất thải là các tải bông vụn, sợi biên phế, lõi giấy quả sợi, túi nilon bọc sợi, bao bì đóng sợi được thu gom vào cuối ngày làm việc vào các giỏ tại công đoạn. Tần suất thu gom là 1 ngày/lần. Toàn bộ được cán bộ nhà máy thu gom, tập kết về kho chứa chất liệu thải tạm thời tại nhà máy. Toàn bộ chất thải này được nhà máy tận thu và bán cho các đơn vị thu gom phế liệu.

+ Chất thải là tro, bụi từ lò hơi phát sinh khoảng 20kg/ngày, sau khi chờ nguội được thu gom và chứa trong các bao tải, đơn vị thu gom sẽ đến thu gom và vận chuyển tới nơi xử lý.

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Bùn thải sẽ được chủ cơ sở thuê đơn vị hút bùn và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với bùn ướt từ bể đập bụi: Lượng bùn này được chủ cơ sở thu gom theo tần suất 3 tháng/lần, chất thải được hút vào các bao tải chứa và đơn vị thu gom chất thải sẽ đến thu gom, xử lý.

2.2.2. Kho lưu chứa: Kích thước 2,6 x 1,3, mái tôn, quay tôn, có biển cảnh báo bên ngoài theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung về quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Phải chủ động bố trí kinh phí thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, công tác thu gom, xử lý chất thải rắn.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

5. Trồng cây xanh có tán trong khu vực hoạt động của cơ sở, góp phần giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm bụi, nhiệt độ, tiếng ồn, điều hòa không khí và tạo cảnh quan bóng mát.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.